

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 23

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Hủ tiếu nấu mực ống, su hào, củ sắn, cải bó xôi, ngô gai, tỏi phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào bắp mỹ, hành baro
- Canh khoai từ nấu tôm khô, nấm đùi gà, hành lá, húng quế
Xế: Nước chanh dây
Xế chiều: Súp thịt gà, bí đỏ, nấm hương tươi, đậu hũ non, bột năng, trứng gà, hành lá, ngô rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	1,400	2,560	35,840
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	8,400	8,400
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	N0755	Hủ tiếu	300	4,290	12,870
9	N0779	Cải bó xôi	100	9,870	9,870
10	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	2,520	5,040
11	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,510	3,255
12	0178	Su hào	200	5,460	10,920
13	0632	Mực ống	300	36,650	109,950
14	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400
15	0186	Tỏi tây (cả lá)	100	8,610	8,610
16	0286	Thịt bò loại II	800	36,750	294,000
17	0426	Tôm khô	50	78,100	39,050
18	0158	Rau húng	50	12,920	6,460
19	0030	Củ từ (khoai từ)	600	4,940	29,640
20	0635	Nấm đùi gà	100	11,450	11,450
21	0662	Chanh dây	400	5,150	20,600
22	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	200	8,066.7	16,133
23	0649	Bột năng	200	4,675	9,350
24	0085	Bí đỏ (bí ngô)	300	4,520	13,560
25	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	27,300	27,300

26	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
27	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760
28	0457	Sữa bột toàn phần	409.84	20,500	84,017
Tổng cộng					851,000

Tổng tiền thực phẩm	851,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	851,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	25,271,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	25,271,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan